TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày 29/10/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Vinh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn.

Ông Vũ Văn Long.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện NL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-DS ngày 30/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Xuân T, sinh năm 1974 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1976. Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Khu phố NS, thị trấn NL, huyện NL, TH. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh ngày 10/3/1979. Nơi DKNKTT và nơi cư trú: Làng M, xã CT, huyện NL, tỉnh TH. (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/5/2024, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Lê Xuân T, chị Phạm Thị H trình bày: Xuất phát từ quan hệ quen biết, trong năm 2023 vợ chồng anh có cho anh Lê Văn T 02 lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 21/4/2023, anh T, chị H cho anh T vay số tiền 60.000.000 đồng, anh T nói vay tạm mấy ngày sẽ trả, hai bên thỏa thuận không tính lãi xuất, sau khi vay anh T đã trả 30.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng anh T, chị H đã đòi nợ nhiều lần, nhưng anh T không trả thêm đồng nào.

- Lần thứ hai: Ngày 13/8/2023, anh T, chị H tiếp tục cho anh T vay số tiền 40.000.000đ, anh T hẹn đến ngày 13/11/2023 sẽ trả, nhưng đến nay anh T vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng anh T, chị H đồng nào.

Tổng số tiền anh T vay và còn nợ là 70.000.000đ, anh T, chị H đã nhiều lần yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh T khất lần dây dưa không trả. Nay anh T, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả cho vợ chồng anh T, chị H số tiền còn nợ 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2024 bị đơn là anh Lê Văn T trình bày**:** Anh công nhận ngày 21/4/2023, anh có có vay tiền của gia đình anh T, chị H số tiền 60.000.000 đồng, anh đã trả được 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại 30.000.000 đồng, anh đồng ý trả cho anh T, chị H. Đối với số tiền vay ngày 13/8/2023 là 40.000.000đ, chữ ký và chữ viết người vay tiền không phải của anh, nhưng anh không yêu cầu giám định, vì anh T, chị H khởi kiện, nên anh đề nghị anh T, chị H phải yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết.

Ngày 22/7/2024 anh T và chị H có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với giấy vay tiền ngày 13/8/2023 và nộp tạm ứng chi phí giám định giám định là 5.000.000 đồng, ngày 29/7/2024 Tòa án đã tiến hành làm các thủ tục trưng cầu giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an. Tại kết luận giám định số 314/KL-KTHS ngày 13/9/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã Kết luận về đối tượng giám định : Chữ ký "tân" và các chữ "Lê Văn T" dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 13/9/2024 Tòa án đã thanh toán chi phí giám định cho Viện khoa học hình sự Bộ Công an số tiền 3.111.000 đồng (Có phiếu thu hợp lệ) và thanh toán tiền tạm ứng chi phí giám định với anh T, chị H, tại bản khai ngày 23/9/2024 và tại phiên tòa anh T, chị H yêu cầu anh T phải chịu chi phí giám định và trả lại số tiền chi phí giám định 3.111.000 đồng cho anh T, chị H theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn phù hợp với pháp luật, việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là bị đơn tự bỏ quyền lợi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 357, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Lê Văn T phải trả lại cho anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị H số tiền vay ngày 21/4/2023 còn nợ 30.000.000 đồng và số tiền vay ngày 13/8/2023 là 40.000.000 đồng, tổng số tiền vay còn nợ là 70.000.000 đồng và số tiền chi phí giám định 3.111.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh T phải trả cho anh T và chị H là 73.111.000 đồng. Buộc anh T phải chịu án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết và tư cách của các đương sự cũng như trình tự thủ tục giải quyết vụ án của Tòa án là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Nội dung anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị H khởi kiện anh Lê Văn T là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại định tại Điều 463, 465 và 466 Bộ luật Dân sự.

[3]. Xét đề nghị của anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị H thấy rằng:

[3.1]. Đối với số tiền vay ngày 21/4/2023 anh T công nhận số tiền vay, số tiền đã trả và số tiền còn nợ 30.000.000 đồng và đồng ý trả nợ, nên buộc anh T phải trả lại cho anh T, chị H số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng.

[3.2]. Đối với khoản tiền vay ngày 13/8/2023 số tiền 40.000.000 đồng anh T không thừa nhận chữ viết ký, chữ viết trong giây vây tiền, nhưng căn cứ kết quả giám định tại kết luận giám định số 314/KL-KTHS ngày 13/9/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã Kết luận về đối tượng giám định: Chữ ký "t" và các chữ "Lê Văn T" dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra. Như vậy đủ căn cứ xác định ngày 13/8/2023 anh T vay của anh T, chị H số tiền 40.000.000 đồng, vì vậy yêu cầu của anh T và chị H là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Xét lời trình bày của anh T không đồng ý trả số tiền 40.000.000 đồng vay ngày 13/8/2023 thấy rằng: Tại kết luận giám định số 314/KL-KTHS ngày 13/9/2024 Viện khoa học hình sự Bộ Công an đã kết luận: Chữ ký "t" và các chữ "Lê Văn T" dưới mục "Người vay" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người ký, viết ra, nên lời trình bày của anh T không có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về chi phí giám định: Anh T và chị H là người yêu cầu giám định và đã nộp chi phí giám định, kết quả giám định xác định chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền ngày 13/8/2023 là của anh T, anh T và chị H yêu cầu anh T phải chịu chi phí giám định là có căn cứ, theo phiếu thu của Viện khoa học hình sự, số tiền chi phí giám định là 3.111.000 đồng, nên buộc anh T phải trả lại số tiền 3.111.000 đồng cho anh T, chị H là phù hợp với quy định pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

[7]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy đinh của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào:** Các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 357, 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị H:

Buộc anh Lê Văn T phải trả cho anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị H số tiền vay ngày 21/4/2023 và ngày 13/8/2023 còn nợ là 70.000.000 đồng và buộc anh T phải trả cho anh T, chị H số tiền chi phí giám định 3.111.000 đồng. Tổng cộng số tiền anh T phải trả cho anh T và chị H là 73.111.000 đồng (Bảy mươi ba triệu, một trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Lê Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

*** Về án phí**: Anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị H không phải chịu án phí. Trả lại cho anh T, chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng (Một triêu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004318 ngày 09/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NL.

*** Về quyền khánh cáo:** Anh Lê Xuân T và chị Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/10/2024. Anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh TH;
- VKSND huyện NL;
- Cơ quan THADS huyện NgọcLặc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Xuân Vinh